TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 21-7-2023
"V/v: ly hôn và yêu cầu nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thanh Hoàn.

2. Ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Sơn, Thư ký tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên toà:* bà Tạ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 07 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố M, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023. Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị S, sinh năm 1985
Nơi thường trú: khu 3, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.
Chỗ ở: khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh
Bị đơn: anh Hoàng Văn T, sinh năm 1983
Nơi cư trú: khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.
Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày: chị và anh Hoàng Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố M năm 2021 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại khu nhà tập thể của trường tiểu Học N, thành phố M. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 8 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do anh T hay chửi vợ và có thái độ không tôn trọng gia đình nhà vợ. Sau khi chị S sinh con, anh T không quan tâm, chăm sóc vợ con, nhiều lần chị

muốn ly hôn nhưng anh T đã xin lỗi và hứa sẽ không tái phạm nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện tại chị và anh T đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: chị và anh T sinh được 01 con chung là Hoàng Thái H, sinh ngày 29/11/2021 hiện đang ở với chị. Chị đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và khoảng nợ chung: không có

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm các giấy tờ liên quan đến nhân thân của các đương sự và con chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T đến Tòa án để lấy lời khai, để tham gia phiên họp, hòa giải nhưng anh T không có mặt tại Tòa án, không gửi ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị S và không có người đại diện và cũng không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì.

Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện: trong thời gian anh T và chị S chung sống tại địa phương, chính quyền địa phương không biết việc chị S và anh T có mâu thuẫn hay không.

Quá trình xác minh tại trường tiểu học N, thành phố M, nơi làm việc của chị S cũng là nơi chị S và anh T chung sống được đại diện nhà trường cung cấp với nội dung: chị S và anh T trong thời gian sống chung với nhau tại tập thể, chị S và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã và xô sát, hiện tại chị S và anh T đã ly thân nhau và không còn sống ở tập thể của trường nữa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký, những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không tuân thủ việc triệu tập vi phạm khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị S được ly hôn với anh T. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung chưa thành niên cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị S và anh Hoàng Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị S có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung thuộc trường hợp tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố M, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có đơn xin xét xử vắng mặt, không có người đại diện, theo quy định tại khoản 1, khoản 3

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về tình cảm: căn cứ theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: cuộc hôn nhân của chị S và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và đăng ký theo quy định của pháp luật, do vậy cuộc hôn nhân của chị S và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh T không quan tâm đến vợ con, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và xô xát. Mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa, nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của chị S đối với anh T

[3.2] Về con chung: Xác định chị S và anh T có 01 con chung là Hoàng Thái H, sinh ngày 29/11/2021 hiện đang được chị S chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị S có nguyện vọng nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy con chug của chị S và anh T còn nhỏ (chưa đủ 36 tháng tuổi) và đang được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do vậy nguyện vọng của chị S là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, quá trình giải quyết anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị S

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] Về tài sản chung và khoản nợ chung: không có.

[6] Về án phí: chị S chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị S về việc ly hôn và yêu cầu nuôi con chung.

Xử: cho chị Phạm Thị S được ly hôn anh Hoàng Văn T.

Giao con chung là Hoàng Thái H, sinh ngày 29/11/2021 cho chị Phạm Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

Áp dụng: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 5 Điều 19 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Nguyên đơn chị Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007790 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái.

Áp dụng: Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh QN, TP MC;
- Chi cục THA Dân sự;
- UBND nơi ĐS ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Nga